

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã Khánh Hoà, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày:* Năm 1999 bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, ông H không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung và ông H có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác, rồi kiếm chuyện hành hung, chửi mắng bà nhiều lần. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H; Về con chung,

có 02 người con tên Lê Minh Thư, sinh năm 2000 và Lê Tân Phát Tài, sinh ngày 22/11/2013. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con tên Lê Tân Phát Tài. Đối với người con tên Lê Minh Thư đã trên 18 tuổi, nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, tự thoả thuận; Về nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà T có đơn đề nghị xét vắng mặt bà.

* Đối với bị đơn ông Lê Văn H, Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

* *Tại phiên toà cháu Lê Tân Phát Tài trình bày:* Trường hợp Tòa án giải quyết cho cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bà Tạ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Văn H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà ông H vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T với ông H có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên bà T với ông H không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Xét thấy con chung tên Lê Tân Phát Tài có nguyện vọng sống chung với bà T. Mặt khác, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà T. Do đó, để đảm bảo cho con chung phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Lê Tân Phát Tài cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với người con chung tên Lê Minh Thư đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định tài sản chung tự thoả thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

** Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Thị T với ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Tân Phát Tài, sinh ngày 22/11/2013 cho bà Tạ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Tạ Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 23 tháng 11 năm 2023 bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006050 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm bà Tạ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận